

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình: **Cử nhân ngành LUẬT KINH TẾ**

Trình độ đào tạo : **Đại học**

Ngành đào tạo : **LUẬT KINH TẾ (Economic Law)**

Mã số : **7380107**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

Bằng tốt nghiệp : **Cử nhân ngành LUẬT KINH TẾ**

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

- Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế;
- Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân.
- Sinh viên tốt nghiệp ngành Luật kinh tế có thể làm việc về công tác pháp chế, tuân thủ nội bộ, hay kiểm soát nội bộ ở các doanh nghiệp, chính phủ hay tổ chức nghiên cứu và tư vấn.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- a) Sinh viên ngành Luật kinh tế có kiến thức cơ bản về xã hội, kinh tế và luật học, những kiến thức chuyên sâu về pháp luật trong kinh doanh, đủ khả năng tiếp cận và xử lý những vấn đề pháp lý đặt ra trong thực tiễn hoạt động kinh doanh;
- b) Sinh viên được trang bị những kiến thức chuyên sâu về pháp luật hợp đồng thương mại quốc tế, pháp luật về đầu tư, pháp luật doanh nghiệp, giải quyết các tranh chấp trong kinh doanh;
- c) Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng và Nhà nước, có nhân cách và kỷ cương, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế;
- d) Sinh viên có kỹ năng nghiên cứu, phân tích pháp luật, phân tích rủi ro pháp lý; kỹ năng đàm phán, kỹ năng làm việc nhóm, soạn thảo hợp đồng, văn bản pháp lý; để đáp ứng yêu cầu về dịch vụ pháp lý ngày càng đa dạng của các doanh nghiệp.

1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Chuẩn đầu ra	Mục tiêu đào tạo (Mục tiêu cụ thể)			
		MT a)	MT b)	MT c)	MT d)
I.	Kiến thức				

TT	Chuẩn đầu ra	Mục tiêu đào tạo (Mục tiêu cụ thể)			
		MT a)	MT b)	MT c)	MT d)
1	Có khả năng hệ thống hóa kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội, cụ thể là luật và kinh tế; và biết vận dụng giải quyết các vấn đề pháp lý đặt ra trong đời sống – xã hội.	x	x	x	
2	Có kiến thức hiểu biết chung về các lĩnh vực văn hóa, lịch sử và xã hội để giải quyết các mối quan hệ trong tổ chức, điều hành và quản lý.	x	x		x
3	Có kiến thức cơ sở ngành vững chắc, nắm vững các kiến thức chuyên môn ngành đào tạo đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế.	x	x		
4	Có kiến thức pháp luật vững chắc về lĩnh vực thương mại quốc tế, am hiểu các kiến thức thực tiễn mang tính thời sự về hoạt động thương mại trong nước cũng như thế giới.	x	x		
5	Có năng lực vận dụng lý thuyết vào công tác chuyên môn, vận dụng các kiến thức chuyên ngành vào kỹ năng thực hành giải quyết các vụ án, vụ việc, có khả năng phát hiện và giải quyết những vấn đề thuộc về pháp luật. Am hiểu các kiến thức thực tiễn mang tính thời sự về hoạt động dân sự, tài chính-ngân hàng–chứng khoán, kinh doanh, thương mại trong nước cũng như thế giới.	x	x		x
II. Kỹ năng					
1	Kỹ năng nghiên cứu và phân tích luật; kỹ năng vận dụng kiến thức để phản biện, lập luận và xây dựng pháp luật.	x			x
2	Kỹ năng xử lý các tình huống trong tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại quốc tế.	x	x		x
3	Kỹ năng vận dụng kiến thức pháp luật về kinh doanh thương mại, giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực thương mại quốc tế hoặc tư vấn cho các chủ thể có nhu cầu.	x	x		x
4	Kỹ năng thực hiện các thủ tục pháp lý về giao kết các hợp đồng thương mại quốc tế.	x	x		x
5	Kỹ năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo cũng như kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm có hiệu quả cao.				x

TT	Chuẩn đầu ra	Mục tiêu đào tạo (Mục tiêu cụ thể)			
		MT a)	MT b)	MT c)	MT d)
6	Kỹ năng xử lý, soạn thảo văn bản trong quản lý, điều hành và kinh doanh.				X
III. Mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm					
1	Có phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp và đạo đức công dân tốt.			X	
2	Có ý thức trách nhiệm công dân; có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; có ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp;			X	
3	Khả năng học hỏi và áp dụng các kiến thức mới một cách hiệu quả.			X	X
4	Có khả năng độc lập và tự giác xây dựng mục tiêu cá nhân đối với việc phát triển nghề nghiệp trong tương lai và lộ trình, kế hoạch thực hiện mục tiêu đó.			X	X
5	Có khả năng chủ động hội nhập để thích nghi với cuộc sống và môi trường làm việc toàn cầu, áp lực cao và chuyên nghiệp.			X	X
IV. Chuẩn đầu ra Tiếng Anh và Tin học					
1	Chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế IELTS từ 5.5 trở lên hoặc tương đương.			X	X
2	Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao do Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM sát hạch.			X	X
V. Vị trí công việc có khả năng đảm nhận					
1	Chuyên gia về pháp luật kinh doanh có thể đảm nhiệm các vị trí công việc ở các cơ quan quản lý nhà nước nói chung và cơ quan quản lý nhà nước về kinh doanh nói riêng.	X	X	X	X
2	Các cơ quan nhà nước như Tòa án Nhân dân các cấp, Viện kiểm sát Nhân dân các cấp, công an, các bộ ngành của chính phủ, Ủy ban nhân dân, sở, phòng, ban ở địa phương	X	X	X	X
3	Tổ chức nghiên cứu và các đơn vị tư vấn pháp lý (công ty luật, văn phòng luật, trọng tài thương mại)	X	X	X	X

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHOÁ: 130 tín chỉ. Trong đó khối lượng kiến thức tích lũy: **127** tín chỉ, khối kiến thức không tích lũy: **03** tín chỉ và kiến thức giáo dục quốc phòng an ninh theo quy định (165 tiết).

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Tp. Hồ Chí Minh.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Thực hiện theo Quy chế đào tạo hiện hành của Bộ GD&ĐT và Quy chế đào tạo theo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Tp. Hồ Chí Minh.

6. THANG ĐIỂM

Thực hiện theo Quy chế đào tạo theo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Tp. Hồ Chí Minh.

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Khối kiến thức		Số tín chỉ	Tỷ lệ %
I. Kiến thức đại cương		58	45 %
I.1.	Khoa học	12	
I.2.	Ngoại ngữ	24	
I.3.	Tin học	3	
I.4.	Luật	3	
I.5.	Chính trị	10	
I.6.	Kỹ năng	6	
II. Kiến thức chuyên ngành		69	53 %
II.1.	Kiến thức chuyên ngành bắt buộc	57	
II.2.	Kiến thức chuyên ngành tự chọn	12	
III. Kiến thức không tích lũy		3	2 %
III.1.	Giáo dục thể chất	3	
III.2.	Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết)		
Tổng cộng:		130	100%

Chương trình chi tiết:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
			<i>(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thi nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)</i>						
			Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
I. KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG			58						
I.1. Khoa học			12						
I.1.01	SOC1101	Xã hội học	3	3					
I.1.02	ECO1101E	Kinh tế vi mô	3	3					
I.1.03	MGT1101E	Quản trị học	3	3					
I.1.04	ECO1102E	Kinh tế vĩ mô	3	3			ECO1101E		
I.2. Ngoại ngữ			24						
I.2.01	ENG2101	Tiếng Anh 1	4	4					
I.2.02	ENG2102	Tiếng Anh 2	4	4					
I.2.03	ENG2103	Tiếng Anh 3	4	4					
I.2.04	ENG2104	Tiếng Anh 4	4	4					
I.2.05	ENG2105	Tiếng Anh 5	4	4					
I.2.06	ENG2106	Tiếng Anh 6	4	4					
I.3. Tin học			3						
I.3.01	ITE1201	Tin học đại cương	3	2	1				
I.4. Luật			3						
I.4.01	LAW1101	Pháp luật đại cương	3	3					
I.5. Chính trị			10						
I.5.01	POL1101	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	2					
I.5.02	POL1102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	3					
I.5.03	POL1103	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3					
I.5.04	POL1104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2					
I.6. Kỹ năng			6						
I.6.01	SKII107	Project design 1	3	3					
I.6.02	SKII108	Project design 2	3	3			SKII107		
II. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH			69						
II.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc			57						
II.1.01	LAW1104	Luật Hành chính	3	3					
II.1.02	LAW1103	Những vấn đề chung về luật dân sự	3	3					

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
			<i>(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thi nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)</i>						
			Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
II.1.03	LAW1108	Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	3	3					
II.1.04	LAW1102	Luật hiến pháp Việt Nam	3	3					
II.1.05	LAW1105	Pháp luật tài sản và quyền sở hữu	3	3					
II.1.06	LAW1109	Luật hình sự	3	3					
II.1.07	LAW1106	Luật hợp đồng	3	3					
II.1.08	LAW1110E	Luật môi trường	3	3					
II.1.09	LAW1113E	Luật lao động	3	3					
II.1.10	LAW1111	Luật thương mại	3	3					
II.1.11	LAW1118E	Luật cạnh tranh	3	3					
II.1.12	LAW1114	Luật đất đai	3	3					
II.1.13	LAW1112	Luật tổ tụng dân sự	3	3					
II.1.14	LAW1115	Luật tổ tụng hình sự	3	3					
II.1.15	LAW1119E	Luật sở hữu trí tuệ	3	3					
II.1.16	LAW1117	Luật thuế	3	3					
II.1.17	LAW1107	Pháp luật về doanh nghiệp	3	3					
II.1.18	LAW1116E	Luật quốc tế	3	3					
II.1.19	LAW1353	Thực tập tốt nghiệp	3		3				
II.2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn (Sinh viên chọn 1 trong các chuyên ngành sau) hoặc Khóa luận tốt nghiệp			12						
II.2.1	Chuyên ngành Luật kinh doanh								
II.2.1.01	LAW1122E	Luật kinh doanh bảo hiểm	3	3					
II.2.1.02	LAW1127E	Pháp luật kinh doanh bất động sản	3	3					
II.2.1.03	LAW1120E	Pháp luật phá sản và giải quyết tranh chấp	3	3					
II.2.1.04	LAW1121E	Kỹ thuật đàm phán và soạn thảo hợp đồng	3	3					
II.2.1.05	LAW1454	Khóa luận tốt nghiệp	12			12			
II.2.2	Chuyên ngành Luật thương mại								

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
			<i>(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thi nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)</i>						
			Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
II.2.2.01	LAW1128E	Luật thương mại quốc tế	3	3					
II.2.2.02	LAW1125E	Luật hợp đồng thương mại quốc tế	3	3					
II.2.2.03	LAW1124E	Tư pháp quốc tế	3	3					
II.2.2.04	LAW1123E	Luật hàng hải	3	3					
II.2.2.05	LAW1454	Khóa luận tốt nghiệp	12			12			
II.2.3	Chuyên ngành Luật Tài chính - Ngân hàng								
II.2.3.01	LAW1138E	Luật ngân hàng	3	3					
II.2.3.02	LAW1135E	Luật tài chính	3	3					
II.2.3.03	LAW1136E	Luật chứng khoán	3	3					
II.2.3.04	LAW1137E	Luật thuế quốc tế	3	3					
II.2.3.05	LAW1454	Khóa luận tốt nghiệp	12			12			
III.KIẾN THỨC KHÔNG TÍCH LŨY			3						
III.1	Giáo dục thể chất (sinh viên chọn 1 trong 4 nhóm sau)		3		3				
III.1.1	Nhóm 1:								
III.1.1.01	GYM1311	GDTC - Aerobic 1	1		1				
III.1.1.02	GYM1312	GDTC - Aerobic 2	1		1				
III.1.1.03	GYM1313	GDTC - Aerobic 3	1		1				
III.1.2	Nhóm 2:								
III.1.2.01	GYM1321	GDTC - Vovinam 1	1		1				
III.1.2.02	GYM1322	GDTC - Vovinam 2	1		1				
III.1.2.03	GYM1323	GDTC - Vovinam 3	1		1				
III.1.3	Nhóm 3:								
III.1.3.01	GYM1331	GDTC - Boxing 1	1		1				
III.1.3.02	GYM1332	GDTC - Boxing 2	1		1				
III.1.3.03	GYM1333	GDTC - Boxing 3	1		1				
III.1.4	Nhóm 4:								
III.1.4.01	GYM1341	GDTC – Thể hình thẩm mỹ 1	1		1				
III.1.4.02	GYM1342	GDTC - Thể hình thẩm mỹ 2	1		1				
III.1.4.03	GYM1343	GDTC - Thể hình	1		1				

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
			<i>(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)</i>						
			Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
		thâm mỹ 3							
III.2	MIL1203	Giáo dục quốc phòng - an ninh (165 tiết)							

Ghi chú: Mã MH ký hiệu **xxxxxxxE** – môn giảng dạy bằng tiếng Anh.